

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **26/2026/HNGĐ-ST**

Ngày 14 - 4 - 2026

V/v ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đình Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hải và bà Hoàng Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hòa Bình – Là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Phạm Trần Duy Quyền – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2026 tại hội trường Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 50/2026/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2026 về việc “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/3/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2026/QĐST-HNGĐ ngày 27/3/2026 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị H B Niê, sinh năm 1989 (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt);

CCCD số: 066189006744 do Cục C về trật tự xã hội cấp 06/10/2022;

Địa chỉ: Buôn K, xã E, tỉnh Đắk Lắk.

2. *Bị đơn:* Anh Y D Hwing, sinh năm 1990 (Vắng mặt);

CCCD số: 066090001167 do Cục C về trật tự xã hội cấp 03/4/2021;

Địa chỉ: Buôn K, xã E, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị H B Niê trình bày:* Chị H B Niê và anh Y D Hwing tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 05/4/2013 tại UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là UBND xã E, tỉnh Đắk Lắk).

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, đã nhiều lần vợ chồng ngồi nói chuyện để cố gắng vun đắp, hàn gắn tình cảm nhưng không được. Mâu thuẫn vợ chồng cũng được hai bên gia đình khuyên nhủ nhiều lần nhưng không thành và cũng đã được giải quyết “ly hôn” theo phong tục của người Êđê. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 10/2024 cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị H B Niê xét

thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, chị H B Niê làm đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Y D Hwing.

Về con chung: có 03 con chung là cháu Y T Niê, sinh ngày 20/11/2013, cháu Y T2 Niê, sinh ngày 19/6/2018 và cháu Y T3 Niê, sinh ngày 28/4/2020. Từ khi sống ly thân đến nay chị H B Niê đang là người nuôi dưỡng các con nên sau khi ly hôn chị H B Niê có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 03 con chung cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H B Niê không yêu cầu anh Y D Hwing phải cấp dưỡng. Hiện nay chị H B Niê làm nông thu nhập hàng tháng khoảng 8.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng nên đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H B Niê không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Y D Hwing: Trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt không tham gia tố tụng nên Tòa án không ghi được lời khai.

Qua biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân thì Chính quyền địa phương cho biết: Vợ chồng chị H B Niê, anh Y D Hwing quá trình chung sống tại địa phương có mâu thuẫn nên ngày 08/02/2025 gia đình hai bên đã giải quyết “ly hôn” theo phong tục người Êđê và có mời ban tự quản buôn tham dự. Sau khi giải quyết xong thì anh Y D Hwing về nhà bố mẹ đẻ và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Quá trình chung sống tại địa phương chị H B Niê, anh Y D Hwing chấp hành tốt nội quy, quy chế của địa phương, chính sách và pháp luật của Nhà nước. Chị H B Niê, anh Y D Hwing làm nông nên thu nhập ổn định.

* Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về tố tụng: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; việc thu thập chứng cứ, trình tự giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

Trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Qua các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về hôn nhân: Chị H B Niê được ly hôn với anh Y D Hwing. Về con chung: Giao con chung cháu Y T Niê, sinh ngày 20/11/2013, cháu Y T2 Niê, sinh ngày 19/6/2018 và cháu Y T3 Niê, sinh ngày 28/4/2020 cho chị H B Niê trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H B Niê không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải

quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tổ tụng và quan hệ pháp luật cần giải quyết: Chị H B Niê khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con với anh Y D Hwing có nơi cư trú tại xã E, tỉnh Đắk Lắk. Quan hệ pháp luật cần giải quyết là Ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị H B Niê có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Y D Hwing mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị H B Niê với anh Y D Hwing tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là UBND xã E, tỉnh Đắk Lắk) vào ngày 05/4/2013. Hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Theo kết quả xác minh tại chính quyền địa phương, cũng như quá trình tham gia tố tụng chị H B Niê trình bày: Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, đã nhiều lần vợ chồng ngồi nói chuyện để cố gắng vun đắp, hàn gắn tình cảm nhưng không được. Mâu thuẫn vợ chồng cũng được hai bên gia đình khuyên nhủ nhiều lần nhưng không thành và việc hai bên gia đình đã giải quyết theo phong tục người Êđê thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài, tuy nhiên không làm chấm dứt quan hệ hôn nhân theo quy định của pháp luật. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 10/2024 cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Tòa án đã cho chị H B Niê có thời gian suy nghĩ chuyện tình cảm vợ chồng, nhưng chị H B Niê cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không có hướng khắc phục, thời gian sống ly thân kéo dài, tình cảm vợ chồng hiện nay không còn nên chị giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập lên ghi nhận lời khai và hòa giải nhưng anh Y D Hwing không lên Tòa án làm việc. Như vậy, HĐXX xác định quan hệ vợ chồng giữa chị H B Niê và anh Y D Hwing đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX cần giải quyết cho chị H B Niê được ly hôn với anh Y D Hwing.

[2.2] Về con chung: Chị H B Niê có nguyện vọng nuôi dưỡng 03 con chung cháu Y T Niê, sinh ngày 20/11/2013, cháu Y T2 Niê, sinh ngày 19/6/2018 và cháu Y T3 Niê, sinh ngày 28/4/2020, HĐXX xét thấy, hiện nay các con đang chung sống cùng chị H B Niê, cháu Y T Niê và cháu Y T2 Niê đều có nguyện vọng được

ở cùng mẹ. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án anh Y D Hwing không hợp tác, không trình bày ý kiến, nguyện vọng của bản thân. Do đó, xét yêu cầu của chị H B Niê, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên. Căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, HĐXX cần giao các con chung cho chị H B Niê nuôi dưỡng là phù hợp với pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình giải quyết và tại phiên tòa chị H B Niê đều không yêu cầu anh Y D Hwing cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H B Niê không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị H B Niê phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ và đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị H B Niê.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị H B Niê được ly hôn với anh Y D Hwing (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 31, quyển số 01/2013 do UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 05/4/2013).

2. Về con chung: Giao con chung cháu Y T Niê, sinh ngày 20/11/2013, cháu Y T2 Niê, sinh ngày 19/6/2018 và cháu Y T3 Niê, sinh ngày 28/4/2020 cho chị H B Niê trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Anh Y D Hwing được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị H B Niê phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng)

đã nộp theo biên lai số 0000467 ngày 14/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

5. Thông báo quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 4 – Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án (nếu có);
- UBND xã E, tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Đình Nam